

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 453/2020/DS-PT

Ngày: 1/12/2020

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện

Các Thẩm phán: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến;
Bà Nguyễn Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2020/TLPT-DS ngày 16/10/2020 về : “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 114/2020/DS-S T ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 435/2020/QĐ-PT ngày 23/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam V(V Bank). Trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông N C D - Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc trung tâm pháp luật Ngân hàng. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành L - Cán bộ xử lý nợ. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh N.V.C, sinh năm 1989. HKTT: thôn D.N, xã M.L, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị T.T.D, sinh năm 1988; Có mặt.

3.2. Cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2011;

3.3. Cháu Nguyễn Nhật L, sinh năm 2015;

3.4. Cháu Nguyễn Gia H, sinh năm 2016.

Người đại diện theo pháp luật của cháu D, cháu L, cháu H là anh N.V.C và chị

T.T.D. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam V(V Bank) và người đại diện trình bày: Ngày 25.9.2014, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V và anh N.V.C kí kết Hợp đồng tín dụng số 1891242; ngày 24.7.2015 kí hợp đồng tín dụng số 4064228 và Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-928436 ngày 1.4.2015 với nội dung sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 1891242 ngày 25/9/2014.

+ Số tiền vay: 500.000.000 đồng

+ Thời hạn vay : 120 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

+ Mục đích vay: Mua sắm thiết bị gia đình.

+ Lãi suất vay: Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 5 %/năm được cố định trong 12 tháng sau đó lãi suất sẽ được điều chỉnh kỳ tiếp theo vào ngày 25.9.2015, điều chỉnh tiếp theo vào ngày 1.10.2015 và điều chỉnh định kì 3 tháng 1 lần vào các ngày 1.1; 1.4; 1.7 và 1.10 hàng năm, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng tương ứng với kỳ hạn của Hợp đồng vay tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 4,25% /năm, nếu lãi suất bán vốn không có kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn vay thì áp dụng kỳ hạn nhỏ hơn gần nhất. lãi suất bán vốn là mức lãi suất do hội ở chính của Bên Ngân hàng xác định từng thời kì. Các bên thống nhất rằng đến kỳ điều chỉnh lãi suất Bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và không phải thông báo cho bên vay. Bên vay chấp thuận mức lãi suất mới kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết không có bất kỳ tranh chấp khiếu kiện gì về vấn đề này.

Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% của lãi suất trong hạn

2 - Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận số: 4064228 ngày 24/7/2015.

+ Số tiền cho vay: 36.000.000 đồng

+ Thời hạn vay : 12 tháng kể từ ngày 24.7.2015 đến 24.7.2016

+ Mục đích vay: Mua sắm thiết bị gia đình.

+ Lãi suất vay: trong hạn 19%/năm (Mức lãi suất không thay đổi trong suốt thời gian vay)

+ Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức quy định tại Hợp đồng này và các văn bản liên quan, lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo - bằng 150 % lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

Biện pháp bảo đảm tiền vay:

Điều 3 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ quy định:

VBank đồng ý cho Bên vay vốn trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín cá nhân của Bên vay, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

Bên vay đồng ý rằng trong suốt thời gian vay vốn, nếu xảy ra bất cứ sự kiện nào mà theo nhận định đơn phương của VBank là có ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của bên vay hoặc khiến bên vay không đủ điều kiện để được vay không có bảo đảm theo quy định của VBank thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày VBank có yêu cầu, bên vay phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp cầm cố hoặc ký quỹ cho V Bank....

3- Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng thẻ tín dụng Quốc tế số: 324-9-928436 ngày 01/4/2015.

Loại thẻ tín dụng: Tín chấp

+ Số tiền vay: 30.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 60 tháng

+ Lãi suất vay: Theo biểu lãi suất cho vay của VBank quy định tại từng thời kỳ. Cách tính lãi suất trong hạn và ưu đãi lãi suất được áp dụng cụ thể với các loại giao dịch, cụ thể:

Chủ thẻ thực hiện giao dịch rút tiền mặt tại ATM hoặc ứng tiền mặt tại thiết bị đọc thẻ POS chủ thẻ sẽ phải chịu lãi suất trên khoản tiền đã rút/ứng và phí rút tiền mặt nếu có kể từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch rút ứng tiền mặt cho đến ngày trả hết nợ. Số tiền lãi từ ngày phát sinh giao dịch đến ngày Sao kê đầu tiên được thể hiện ngay trên sao kê cùng kỳ. Nếu Chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần số dư nợ rút tiền mặt trong kỳ dư nợ còn lại sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi thanh toán hết và sẽ được thể hiện trên Sao kê của các kỳ tiếp theo.

Trường hợp Chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ:

* Vào ngày đến hạn thanh toán nếu Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số dư trên Sao kê V Bank sẽ ưu đãi miễn lãi suất cho toàn bộ giao dịch trong kỳ sao kê đó của Chủ thẻ.

* Trường hợp vào Ngày đến hạn thanh toán Chủ thẻ trả nợ ít nhất bằng khoản thanh toán tối thiểu VBank sẽ tính lãi đối với tất cả các giao dịch trong kỳ sao kê kể từ ngày giao dịch trong kỳ Sao kê kể từ ngày Giao dịch thẻ được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của VBank cho đến ngày Chủ Thẻ trả nợ. Các giao dịch chưa thanh toán sẽ bị tiếp tục tính lãi và được thể hiện trên sao kê của kỳ sao kê kế tiếp theo.

+ Lãi suất quá hạn và phạt chậm trả: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ Thẻ không thanh toán đúng hạn khoản thanh toán tối thiểu thì phần giá trị thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán sẽ bị tính phạt chậm trả và lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Số dư còn lại (sau khi trừ đi số

tiền thanh toán tối thiểu) vẫn tính theo mức lãi suất trong hạn theo quy định của Ngân hàng. Sau 60 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà Chủ thẻ không thanh toán đủ Khoản thanh toán tối thiểu thì toàn bộ dư nợ chưa thanh toán phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Ngoài ra Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng khoản phạt chậm trả theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

+ Các loại phí:

Trong quá trình sử dụng thẻ Chủ Thẻ có trách nhiệm thanh toán cho VBank phí thường niên và các loại phí khác theo quy định của VBank.

Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 25.9.2014, Ngân hàng đã giải ngân cho anh N.V.C tại Khế ước nhận nợ số 1891242 ngày 25.9.2014 với số tiền vay 500.000.000 đồng. Cùng ngày anh C đã ủy nhiệm chi số tiền 500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Duy T; Ngày 24.7.2015 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 36 triệu đồng cho anh N.V.C.

Tại kỳ sao kê 6.4.2015 thể hiện anh N.V.C đã sử dụng thẻ tín dụng qua hình thức giao dịch rút tiền với số tiền 30 triệu đồng

Tạm tính đến hết ngày 25/6/2020, anh N.V.C còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số: 1891242 ngày 25/9/2014
 - + Nợ gốc: 442.600.000 đồng
 - + Nợ lãi : 379.299.024 đồng
 - + Tổng cộng: 821.899.024 đồng (Tám trăm hai một triệu, tám trăm chín chín nghìn, không trăm hai tư đồng./)
- Đối với hợp đồng tín dụng số: 4064228 ngày 24/7/2015.
 - + Nợ gốc: 24.771.791 đồng
 - + Nợ lãi : 32.615.209 đồng
 - + Tổng cộng: 57.387.000 đồng (Năm bảy triệu, ba trăm tám bảy nghìn./)
- Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số: 324-9-928436 ngày 01/4/2015.
 - + Nợ gốc: 26.366.823 đồng
 - + Nợ lãi : 140.126.154 đồng
 - + Tổng cộng: 166.492.977 đồng (Một trăm sáu sáu triệu, bốn trăm chín hai nghìn, chín trăm bảy bảy đồng./)

Tổng cộng 3 khoản trên đến hết ngày 25/6/2020, anh N.V.C còn nợ :

- + Nợ gốc: 493.738.614 đồng
- + Nợ lãi : 552.040.387 đồng
- + Tổng cộng: 1.045.779.001 đồng (Một tỷ, không trăm bốn lăm triệu, bảy trăm bảy chín nghìn, không trăm linh một đồng./)

Để đảm bảo cho khoản vay trên anh N.V.C đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 65(1), tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ Thôn D.N, xã M.L, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/01/2011 mang tên anh N.V.C.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Yêu cầu:

1. Buộc anh N.V.C trả ngay cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Vtổng số nợ còn thiếu (gồm: Gốc, lãi quá hạn, lãi phạt quá hạn) tạm tính đến ngày 25/6/2020 là: 1.045.779.001 đồng (Một tỷ, không trăm bốn trăm triệu, bảy trăm bảy chín nghìn, không trăm linh một đồng./)

2. Trường hợp anh N.V.C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ, Cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 65(1), tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ Thôn D.N, xã M.L, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/01/2011 mang tên anh N.V.C.

+ Trường hợp phát mãi tài sản không đủ trả khoản vay thì khách hàng phải chịu lãi phát sinh và thanh toán đến khi hết món vay.

Bị đơn anh N.V.C trình bày: Anh C xác định có kí kết các Hợp đồng tín dụng số 1891242 ngày ngày 25/9/2014; Hợp đồng tín dụng số 4064228 ngày 24.7.2015 và Hợp đồng thế tín dụng số 324-P-928436 ngày 1.4.2015 với nội dung như phía Nguyên đơn đã trình bày và trong các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế tín dụng đã nêu. Anh C thừa nhận chữ kí của mình trong các Hợp đồng nêu trên.

Anh C thừa nhận đã nhận đủ số tiền 500 triệu đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1891242 ngày ngày 25/9/2014; 36 triệu đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 4064228 ngày 24.7.2015 và sử dụng hết hạn mức của thế tín dụng số 324-P-928436 ngày 1.4.2015.

Anh C thừa nhận số tiền nợ gốc hiện nay còn chưa trả là 566 triệu đồng.

Về tiền lãi anh C chưa có ý kiến.

Để đảm bảo cho khoản vay 500 triệu đồng anh C có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 65(1), tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ Thôn D.N, xã M.L, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 25/01/2011 mang tên anh N.V.C.

Về nguồn gốc tài sản thế chấp anh C trình bày: Thửa đất trên là do ông bà nội anh cho bố, mẹ của anh. Bố mẹ anh cho anh và sang tên làm sổ đỏ cho anh. Ngôi nhà 2 tầng trên thửa đất là bố mẹ cho tiền xây. Năm 2015 anh lấy vợ là chị T.T.D. Chị D về ở và chưa có đóng góp gì vào khối tài sản này.

Anh C đề nghị phía Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi cho anh vì hiện gia đình đang rất khó khăn, thu nhập không ổn định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị T.T.D trình bày:

Về khoản vay: Khi anh C vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Vthì Chị Dchưa kết hôn với anh C. Kể từ khi về ở trên thửa đất thế chấp tài sản nhà đất vẫn chưa có đầu tư sửa chữa gì. Chị nhất trí với lời khai của anh C và xin được xét xử vắng mặt.

2. Ông N.V.Tbố của anh N.V.Ctrình bày:

Cụ Nguyễn Khức L và cụ Ngô Thị T là bố mẹ đẻ của ông T. Hai cụ là chủ sử dụng thửa đất số 65 tờ bản đồ số 6 D.N, M.L, Đ.A, Hà Nội.

Năm 2010 Cụ L và Cụ T đã tách thửa đất trên làm 4 phần cho 4 người con trong đó có ông. Ông và vợ đã bàn bạc để cho con trai là N.V.C nhận vì là cháu đích tôn. Cụ L và cụ T nhất trí và đã làm thủ tục sang tên cho anh C.

Sau khi nhận đất anh C đã phá nhà cấp 4 mái ngói xây nhà 2 tầng như hiện nay. Toàn bộ tiền xây nhà của vợ chồng Ông nhưng vợ chồng Ông cho anh C số tiền đó. Bây giờ nhà đất thuộc quyền sở hữu và sử dụng của anh C.

Bản án sơ thẩm số 114/2020/DSST ngày 5.8.2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V và anh N.V.C cụ thể:

Đến ngày 5.8.2020 anh N.V.C còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam số tiền vay và tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng và sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số: 1891242 ngày 25/9/2014
 - + Nợ gốc: 442.600.000 đồng
 - + Nợ lãi : 338.863.795 đồng
 - + Tổng cộng: 830.997.220 đồng(1)
 - Hợp đồng tín dụng số: 4064228 ngày 24/7/2015.
 - + Nợ gốc: 24.771.791 đồng
 - + Nợ lãi : 33.419.051 đồng
 - + Tổng cộng: 58.191.051 đồng(2)
 - Hợp đồng thẻ tín dụng số: 324-9-928436 ngày 01/4/2015.
 - + Nợ gốc: 26.366.823 đồng
 - + Nợ lãi : 145.857.162 đồng
 - + Tổng cộng: 172.223.985 đồng(3)
- Tổng (1)+(2)+(3): **1.061.878.830** đồng

2. Kể từ ngày 5.8.2020 (ngày xét xử sơ thẩm) anh N.V.C còn phải trả thêm một khoản tiền được tính theo từng hợp đồng tín dụng như sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng số: 1891242 ngày 25/9/2014:

Phải trả thêm một khoản tiền được tính theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng làm cơ sở xác định mức lãi suất quá hạn. Thời gian phải thanh toán khoản tiền này được tính cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc chưa thanh toán. Trường hợp đã có thỏa thuận về điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ thì mức lãi suất sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2.2. Hợp đồng tín dụng số: 4064228 ngày 24/7/2015

Phải trả thêm một khoản tiền được tính theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 19,5%/ năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

2.3 Hợp đồng thẻ tín dụng số: 324-9-928436 ngày 01/4/2015.

Phải trả thêm một khoản tiền được tính theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng làm cơ sở xác định mức lãi suất quá hạn. Thời gian phải thanh toán khoản tiền này được tính cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc chưa thanh toán. Trường hợp đã có thỏa thuận về điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng cấp tín dụng thì mức lãi suất sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Lộ trình thanh toán như sau:

- Ngày 30/ 8/2020 anh C thanh toán 20.000.000 đồng
- Ngày 30/9/2020 anh C thanh toán 20.000.000 đồng
- Ngày 31/10/2020 anh C thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và số tiền lãi phát sinh của 02 Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng quốc tế sau ngày 5.8.2020.

Trong trường hợp anh C vi phạm bất kỳ kỳ trả tiền theo lộ trình thanh toán đã nêu trên thì phải trả ngay toàn bộ số tiền còn nợ và lãi phát sinh trên số tiền gốc còn nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Anh N.V.C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Quyết định tại Bản án đối với khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ số số 1891242 ngày 25.9.2014, Ngân hàng TMCP Việt Nam V có quyền làm đơn đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo phạm vi thế chấp đã nêu trong Hợp đồng thế chấp để thanh toán cho toàn số tiền còn nợ tại Ngân hàng TMCP Việt Nam V nêu trên.

Nếu số tiền phát mại tài sản thu được lớn hơn số tiền anh N.V.C phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì thanh toán trả cho anh C. Nếu số tiền phát mại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của anh C thu được không trả đủ số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp do các bên đã ký kết thì anh

N.V.C phải tiếp tục phải thanh toán số tiền còn thiếu trong phạm vi nghĩa vụ của mình đã nêu trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm.

Tại đơn kháng cáo không đề ngày tháng, chị T.T.D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện cho các cháu Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Nguyễn Nhật Long; Nguyễn Gia Hân đã kháng cáo bản án DSST.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 17/8/2020 bị đơn anh N.V.C đã kháng cáo bản án DSST.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn V Bank giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh N.V.C giữ nguyên đơn kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị D và các con chị giữ nguyên đơn kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện VKS đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện Đ.A, Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh N.V.C và chị T.T.D nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định pháp luật nên được chấp nhận xem xét.

II/ Xét nội dung đơn kháng cáo của anh C và Chị D cho thấy đều có liên quan đến các hợp đồng anh C ký để vay tiền V Bank và tài sản thế chấp bảo đảm các khoản tiền vay của anh C.

[1]. Xét về giao dịch dân sự giữa anh N.V.C với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V(sau đây gọi tắt là V Bank) được hai bên thống nhất đã cùng nhau ký kết 02 Hợp đồng tín dụng và 01 Hợp đồng thế chấp như sau:

* Hợp đồng tín dụng số 1891242 ngày 25.9.2014: Theo HĐTD này, anh C vay tiền của V Bank là 500.000.000đ, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải

ngân vốn vay đầu tiên; mục đích vay tiền để mua sắm thiết bị gia đình. Với lãi suất thỏa thuận.

* Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 4064228 ngày 24/7/2015: anh C vay số tiền 36.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 24.7.2015 đến 24.7.2016; mục đích vay: mua sắm thiết bị gia đình; Lãi suất vay theo thỏa thuận.

* Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng thẻ tín dụng Quốc Tế số 324-9-928436 ngày 01/4/2015. Loại thẻ tín dụng: Tín chấp. Anh C vay số tiền 30.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo biểu lãi suất cho vay của VBank quy định tại từng thời kỳ. Cách tính lãi suất trong hạn và ưu đãi được áp dụng cụ thể với các loại giao dịch.

Ngay sau khi ký kết giao dịch xong, VBank đã giải ngân số tiền vay cho anh C.

* Để đảm bảo cho các khoản vay trên, anh N.V.C đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản cho VBank là quyền sử dụng đất là thửa số 65 (1) tờ bản đồ số 6 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn D.N, xã M.L, huyện Đ.A, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 013160 do Ủy ban nhân dân huyện Đ.A ký cấp ngày 25/01/2011 cho chủ sử dụng là N.V.C.

1.1. Tính đến ngày 05/8/2020, anh C còn nợ đối với 03 hợp đồng vay tiền trên, cụ thể như sau:

* Hợp đồng tín dụng số 1891242 ngày 25.9.2014: anh C còn nợ tiền vay gốc 442.600.000đ + Nợ tiền lãi 338.863.795đ = 830.997.220đ.

* Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 4064228 ngày 24/7/2015: anh C còn nợ tiền vay gốc 24.771.791đ + Nợ tiền lãi 33.419.051đ = 58.191.051đ.

* Thẻ tín dụng Quốc Tế số 324-9-928436 ngày 01/4/2015: anh C còn nợ tiền vay gốc 26.366.823đ + Nợ tiền lãi 145.857.162đ = 172.223.985đ.

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi của cả 03 hợp đồng vay tiền: 1.061.878.830đ.

Bản án sơ thẩm đã tuyên công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng cổ phần Việt Nam và anh N.V.C về lộ trình để anh C thanh toán số tiền nợ 1.061.878.830đ.

1.2. Anh C và Chị D kháng cáo đề nghị hủy các hợp đồng tín dụng trên với lý do: anh C vay tiền nhưng không với mục đích để mua sắm thiết bị gia đình; anh C cũng không làm việc cho Công ty nào mà chỉ làm nghề tự do. Tuy nhiên, anh C xác định anh đã ký vào các hợp đồng tín dụng trên không ai ép buộc và đã nhận tiền do V Bank giải ngân theo mỗi hợp đồng tín dụng. Lý do xin hủy các hợp đồng tín dụng của anh C và Chị D là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh C và chị D.

[2]. Xét Hợp đồng thế chấp tài sản giữa anh N.V.C là bên thế chấp và VBank là bên nhận thế chấp tài sản ký kết ngày 22/9/2014.

Do thời gian các bên ký kết giao dịch năm 2014, nên hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật cùng thời điểm để xem xét về tính có hiệu lực của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét về hình thức của hợp đồng được các bên lập thành văn bản; anh C xác nhận đúng chữ ký của anh có trong hợp đồng và hợp đồng có công chứng tại Văn phòng công chứng Kinh Đô.

Xét về nội dung hợp đồng: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 65(1), tờ bản đồ số 6, diện tích 62m² là đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: thôn D.N, xã M.L, huyện Đ.A, Hà Nội; và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. Tài sản là nhà và đất thế chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ.A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 013160 ngày 25/01/2011 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông N.V.C, sinh năm 1989, CMTND số 012830870 Địa chỉ thôn D.N, xã M.L- Đ.A- Hà Nội.

Hợp đồng thế chấp tài sản trên đã được Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Đ.A chứng nhận ngày 27/9/2014 việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 013160.

Như vậy, xét về nội dung và hình thức của Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết đã tuân thủ đúng quy định Pháp luật tại các Điều 122; 124; 342; 343; 715-BLDS 2005; và phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2003.

2.1. Anh C và Chị D yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp tài sản giữa anh N.V.C là bên thế chấp và VBank là bên nhận thế chấp tài sản ký kết ngày 22/9/2014 với lý do: Hợp đồng thế chấp tài sản ký kết trên cơ sở các hợp đồng tín dụng mà anh chị cho rằng không đúng thủ tục cần phải hủy. Lý do này của anh chị là không có căn cứ, các hợp đồng tín dụng vẫn đang có hiệu lực và Tòa án không tuyên hủy. Vì vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh C và chị D.

3. Như phân tích trên, HĐXXPT không chấp nhận đơn kháng cáo của anh C và Chị D nên giữ nguyên án sơ thẩm. Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên có phần chưa được rõ, cần sửa lại cách tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành bản án.

Anh C và Chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của BLTTDS: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 114/2020/DSST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.A, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 35, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 318, Điều 324, khoản 1 Điều 342; Điều 343, Điều 351, Điều 355, Điều 471, khoản 1, khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 324 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997(đã được sửa đổi bổ sung năm 2004)

Quyết định số 1627/QĐ-NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14.4.2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam.

Điều 8 Thông tư số 14 ngày 29.9.2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam Quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

Công văn số 1335/NHNN - CSTT ngày 22.2.2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2012/NQ- HĐTP ngày 13.6.2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V và anh N.V.C cụ thể:

Đến ngày 5.8.2020 anh N.V.C còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam số tiền vay và tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng và sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số: 1891242 ngày 25/9/2014
- + Nợ gốc: 442.600.000 đồng
- + Nợ lãi : 338.863.795 đồng
- + Tổng cộng: 830.997.220 đồng(1)
- Hợp đồng tín dụng số: 4064228 ngày 24/7/2015.
- + Nợ gốc: 24.771.791 đồng
- + Nợ lãi : 33.419.051 đồng

- + Tổng cộng: 58.191.051 đồng(2)
- Hợp đồng thẻ tín dụng số: 324-9-928436 ngày 01/4/2015.
- + Nợ gốc: 26.366.823 đồng
- + Nợ lãi : 145.857.162 đồng
- + Tổng cộng: 172.223.985 đồng(3)

Tổng (1)+(2)+(3): **1.061.878.830** đồng

2. Kể từ ngày 5.8.2020 (ngày xét xử sơ thẩm) anh N.V.Còn phải trả thêm một khoản tiền được tính theo từng hợp đồng tín dụng như sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng số: 1891242 ngày 25/9/2014:

Phải trả thêm một khoản tiền được tính theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng làm cơ sở xác định mức lãi suất quá hạn. Thời gian phải thanh toán khoản tiền này được tính cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc chưa thanh toán. Trường hợp đã có thỏa thuận về điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ thì mức lãi suất sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2.2. Hợp đồng tín dụng số: 4064228 ngày 24/7/2015

Phải trả thêm một khoản tiền được tính theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 19,5%/ năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

2.3 Hợp đồng thẻ tín dụng số: 324-9-928436 ngày 01/4/2015.

Phải trả thêm một khoản tiền được tính theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Lấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng làm cơ sở xác định mức lãi suất quá hạn. Thời gian phải thanh toán khoản tiền này được tính cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc chưa thanh toán. Trường hợp đã có thỏa thuận về điều chỉnh mức lãi suất trong hợp đồng cấp tín dụng thì mức lãi suất sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Lộ trình thanh toán như sau:

- Ngày 30/ 8/2020 anh C thanh toán 20.000.000 đồng
- Ngày 30/9/2020 anh C thanh toán 20.000.000 đồng
- Ngày 31/10/2020 anh C thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và số tiền lãi phát sinh của 02 Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng quốc tế sau ngày 5.8.2020.

Trong trường hợp anh C vi phạm bất kỳ kỳ trả tiền theo lộ trình thanh toán đã nêu trên thì phải trả ngay toàn bộ số tiền còn nợ và lãi phát sinh trên số tiền gốc còn nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Anh N.V.C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Quyết định tại bản án đối với khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ số 1891242 ngày 25.9.2014, Ngân hàng TMCP Việt Nam V có quyền làm đơn đề nghị

Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 65(1), tờ bản đồ số 6, diện tích 62m² là đất ở tại nông thôn tại địa chỉ: thôn D.N, xã M.L, huyện Đ.A, Hà Nội; và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ.A, Hà Nội ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 013160 ngày 25/01/2011 cấp cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông N.V.C, sinh năm 1989, CMTND số 012830870 Địa chỉ thôn D.N, xã M.L- Đ.A- Hà Nội; theo Hợp đồng thế chấp tài sản lập ngày 22/9/2014 giữa bên thế chấp là N.V.C và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Việt Nam V- chi nhánh sở giao dịch – Số công chứng 3381/2014; quyền số 03-2014 Văn phòng Công chứng K Đ. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Đ.A chứng nhận ngày 27/9/2014 việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 013160 để thanh toán cho toàn bộ số tiền anh C còn nợ tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Nếu số tiền phát mại tài sản thu được lớn hơn số tiền anh N.V.C phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì thanh toán trả cho anh C. Nếu số tiền phát mại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của anh C thu được không trả đủ số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp do các bên đã ký kết thì anh N.V.C phải tiếp tục phải thanh toán số tiền còn thiếu trong phạm vi nghĩa vụ của mình đã nêu trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí DSST:

Anh N.V.C phải chịu 43.856.364 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V số tiền 19.000.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/15449 ngày 6.3.2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.A, Hà Nội.

4.2. Án phí DSPT:

Anh N.V.C phải chịu 300.000đ án phí và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp tại BL thu số AA/2018/0017519 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.A, Hà Nội.

Chị T.T.D phải chịu 300.000đ án phí và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp tại BL thu số AA/2018/0017545 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.A, Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân huyện Đ.A
- Chi cục THADS H. Đ.A
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện